

Số: 05/2025/QĐST-HNGĐ

Đà Nẵng, ngày 21 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - ĐÀ NẴNG

Căn cứ các Điều 212, 396, 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 01/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2025 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Tô Tiến A, sinh năm 1994; địa chỉ: thôn B, xã Đ, thành phố Đà Nẵng.
- Chị Phan Thị Thanh B, sinh năm 1995; địa chỉ: tổ B, khối phố P, phường Q, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Tô Tiến A và chị Phan Thị Thanh B tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam vào năm 2021. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định pháp luật.

Xét thực trạng quan hệ hôn nhân vợ chồng thì thấy: Trong thời gian chung sống anh A và chị Bình thường X xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, đến nay không thể hòa giải được. Nay anh A và chị Bình X1 thấy hạnh phúc vợ chồng đã thực sự tan vỡ, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên thỏa thuận ly hôn và yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận việc thuận tình ly hôn giữa vợ chồng. Xét sự thuận tình ly hôn giữa vợ chồng là tự nguyện, phù hợp với thực tế và không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên công nhận.

[2] Về con chung: Anh A và chị B tự nguyện thỏa thuận sau khi ly hôn giao con chung là Tô Phúc L, sinh ngày 25/7/2023 cho anh Tô Tiến A là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi. Chị Phan Thị Thanh B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Tô Phúc L mỗi tháng 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Thời hạn cấp dưỡng nuôi con: Tính từ ngày án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày anh Tô Tiến A có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Phan Thị Thanh B không trả số tiền trên thì hàng tháng chị B còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS là 10%/năm.

Người không nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai có quyền ngăn cản. Khi có lý do chính đáng đôi bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Xét thỏa thuận giao nuôi con chung giữa vợ chồng là hợp pháp, phù hợp với thực tế nên công nhận.

[3] **Về tài sản chung và nợ chung:** vợ chồng thống nhất khai không yêu cầu Tòa giải quyết, nên không đề cập.

[4]. **Về lệ phí việc dân sự sơ thẩm:** anh A và chị B phải chịu là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*).

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và ghi nhận ý kiến thuận tình ly hôn ngày 11/7/2025, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Tô Tiến A và chị Phan Thị Thanh B.

1.2. Về con chung: Anh Tô Tiến A và chị Phan Thị Thanh B thống nhất sau khi ly hôn giao con chung là Tô Phúc L, sinh ngày 25/7/2023 cho anh Tô Tiến A là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Chị Phan Thị Thanh B chịu trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Tô Phúc L mỗi tháng 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi, trưởng thành. Thời hạn cấp dưỡng nuôi con: Tính từ ngày án có hiệu lực pháp luật.

Chị B có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai có quyền cản trở. Khi có lý do chính đáng các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày anh Tô Tiến A có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, chị Phan Thị Thanh B còn phải chịu khoản tiền lãi tính trên số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận là 10%/năm.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: vợ chồng thống nhất không yêu cầu Tòa án can thiệp nên không đề cập.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) chị Phan Thị Thanh B và anh Tô Tiến A phải chịu, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn*

đồng) chị Thanh B và anh Tiến A đã nộp theo biên lai thu số 0000355 ngày 11/7/2025 của T án dân sự thành phố Đà Nẵng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND KHU VỰC 11-Đ;
- Thi hành án dân sự TP Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- UBND xã Đại Lộc, ĐN;
- UBND phường Quảng Phú, ĐN;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

Nguyễn Hùng